TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HS-ST
Ngày: 05/4/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán sơ cấp - Chủ toạ phiên toà: Ông **Trần Quang Tuyến**
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Đăng Đào**
  Ông **Nguyễn Hữu Đệ**

- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Văn Hùng** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Việt Hà** - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 05/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh,Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 1 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. **Ngô Thành T**, sinh năm 1984; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 9, phường TT, quận LB, thành phố Hà Nội; Trình độ học vấn: *9/12;* Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Ngô Văn T1 và bà: Nguyễn Thị Đ; Anh chị em: không; Tiền án, tiền sự: 01 tiền án: *Ngày 28/4/2011, bị TAND quận Long Biên, Hà Nội tuyên phạt 07 năm tù về tội Cướp tài sản theo điểm d, khoản 2 điều 133. Bộ luật Hình sự 1999 ra trại 30/8/2013*; Bị bắt khẩn cấp và tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/5/2018 đến nay. Danh chỉ bản số 000000340 lập ngày 19/5/2018 của Công an huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

2. **Ngô Xuân T2**, sinh năm 1986; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 226 Lò Đúc, Phường Đông Mác, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: Số 5 ngách 31/21/12 NC, phường BĐ, quận HBT, thành phố Hà Nội; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Ngô Xuân T3 và bà Vũ Thị Tuyết M; Vợ Nguyễn Phương

D, có 02 con lớn sinh năm 2010 nhỏ sinh 2014; Anh chị em: không; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt khẩn cấp và tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/5/2018 đến nay. Danh chỉ bản số 000000342 lập ngày 19/5/2018 của Công an huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

3. **Nguyễn Phùng H**, sinh năm 1984; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 13, phường TT, quận LB, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông Phùng Xuân D1 và bà Nguyễn Thị Q (Bị cáo khai là Nguyễn Thị T4); Gia đình có ba anh chị em bị cáo là con thứ ba; Vợ Nông Thị T5 có 01 con sinh 2017; Tiền án, tiền sự: 01 tiền án, 01 tiền sự: *Ngày 26/12/ 2008, bị Tòa án nhân dân quận Long Biên tuyên phạt 28 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ra trại ngày 6/11/201; ngày 31/3/2008 Uỷ ban nhân dân quận Long Biên áp dụng BPNC xử lý hành chính đi cai nghiện bắt buộc trong 24 tháng; năm 2012, cai nghiện bắt buộc 24 tháng.*Bị bắt khẩn cấp và tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/5/2018 đến nay. Danh chỉ bản số 000000339 lập ngày 19/5/2018 của Công an huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

4. **Đỗ Đức H1**, sinh năm 1993; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 14, phường TT, quận LB, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Đỗ Văn T6 và bà Nguyễn Thị S; Gia đình có hai anh em bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: 01 tiền án, 01 tiền sự: *Ngày 18/11/2015 bị Công an huyện Gia Lâm xử phạt hành chính về hành vi Xâm hại sức khỏe của người khác; ngày 09/8/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, Hà Nội tuyên phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội Đánh bạc*.

Bị bắt khẩn cấp và tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/5/2018 đến nay. Danh chỉ bản số 000000338 lập ngày 19/5/2018 của Công an huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

5. **Lê Văn Q**, sinh năm 1990; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 8, phường TT, quận LB, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Văn T7 và bà Nguyễn Thị Kim X; Vợ Nguyễn Thị M, có 01 con sinh 2017; Gia đình có hai anh em bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: 01 tiền án, 01 tiền sự: *Ngày 19/11/ 2009, bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tuyên phạt 13 tháng 26 ngày tù về tội gây rối trật tự công cộng. Được trả tự do ngay tại phiên toà, Đã nộp án phí 13/7/2010; Ngày 04/4/2014, Công an quận Hoàn Kiếm xử phạt hành chính về hành vi Xâm hại sức khỏe của người khác.* Bị bắt khẩn cấp và tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/5/2018 đến nay. Danh chỉ bản số 000000337 lập ngày 19/5/2018 của Công an huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

6. **Nguyễn Trung C**, sinh năm 1999; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 13 NTT, phường TT, thành phố TH, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Thành T và bà Trần Thị H; Gia đình có hai anh em bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt khẩn cấp và tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/5/2018 đến nay. Danh chỉ bản số 000000336 lập ngày 19/5/2018 của Công an huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

7. **Nguyễn Văn H2**, sinh ngày 21/3/2000; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 13 PKK, phường ĐV, thành phố TH, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn L và bà Hà Thị H1; Gia đình có hai anh em bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt khẩn cấp và tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/5/2018 đến nay. Danh chỉ bản số 000000341 lập ngày 19/5/2018 của Công an huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

***Bị hại*:** Chị Phạm Thị Q, sinh năm 1983; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn CP, xã LH, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Phạm Thị Q: Anh Phạm Cao T8, sinh năm 1981; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn CP, xã LH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Cao T9, sinh năm 1949; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn CP, xã LH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh Phạm Cao T8, sinh năm 1981; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn CP, xã LH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

3. Chị Nguyễn Thị Q1, sinh năm 1985; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn CP, xã LH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Chị Phạm Thúy H2, sinh năm 1977; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn GT, xã LH, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

5. Bà Lê Thị Tuyết, sinh năm 1954; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn CP, xã LH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

6. Ông Ngô Xuân T3, sinh năm 1949; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:Số 5, ngách 31/21/12 NC, P BĐ , HBT, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

1. Anh Đỗ Hắc H3, sinh năm 1985; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn GT, xã LH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh Phạm Văn T8, sinh năm 1975; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn CP, xã LH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Anh Phạm Văn T9, sinh năm 1976; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn CP, xã LH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Anh Phạm Xuân Q, sinh năm 1993; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn CP, xã LH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

5. Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1995; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn CP, xã LH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

6. Anh Đỗ Mạnh Y, sinh năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn GT, xã LH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03/4/2018 Cơ quan công an huyện Đông Anh nhận được tin báo của anh Phạm Cao T8 (sinh năm: 1981; trú tại: CP, LH, Đông Anh, Hà Nội) về việc : Khoảng 10 giờ ngày 02/4/2018 khi anh và ông Phạm Cao T9 (sinh năm: 1949 - bố đẻ anh T8) đang ở nhà tại CP, LH, Đông Anh thì có khoảng 9 đến 10 đối tượng nam thanh niên đến nhà tìm chị Phạm Thị Q (sinh năm: 1983- em gái anh) yêu cầu trả nợ sau đó các đối tượng trên đánh gây thương tích cho anh và đập phá tài sản của gia đình anh.

Ngày 19/4/2018, Cơ quan công an tiếp tục nhận được đơn trình báo của chị Nguyễn Thị Q1 – sinh 1985 ở CP, LH, Đông Anh, Hà Nội là vợ anh T8 về việc: Khoảng 09 giờ 40 ngày 19/4/2018 khi chị về đến cửa nhà thì có 01 tốp thanh niên đến gọi cửa, gọi Q là em chồng chị. Chị nói Q không có nhà nhưng các thanh niên vẫn xông vào dùng chân tay không đánh chị.

Ngày 16/5/2017, cơ quan Công an tiếp tục nhận được tin báo của gia đình chị Q về việc các đối tượng trên đến gia đình chị gây rối, yêu cầu chị Q trả tiền . Cơ quan công an đã đến, yêu cầu các đối tượng trên về trụ sở để điều tra làm rõ.

Tại Cơ quan điều tra các đối tượng khai là Ngô Thành T, Đỗ Đức H1, Ngô Xuân T2, Lê Văn Q, Nguyễn Phùng H, Nguyễn Văn H2. Nguyễn Trung C.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo như sau :

Ngô Thành T cùng với Đỗ Đức H1, Ngô Xuân T2, Lê Văn Q và Nguyễn Phùng H mở cửa hàng kinh doanh có biển hiệu "Kinh doanh sim số đẹp" tại chợ PKT, phường PK, thị xã TS, tỉnh Bắc Ninh. Trong quá trình kinh doanh có cho vay tiền lãi theo hình thức bốc bát họ và vay lãi theo ngày với lãi xuất cho vay cao để thu lợi. Các bị cáo thống nhất góp vốn chung, sau đó cuối năm chia đều tiền thu lợi. Khi có người đến vay tiền, bị cáo T trực tiếp giao dịch hoặc bảo đồng bọn giao dịch, làm hợp đồng (theo mẫu do T cùng đồng bọn soạn sẵn là bằng giấy

biên nhận tiền mua xe máy cho T); yêu cầu người vay ký nhận, đồng thời người vay đưa đến nhà để biết nhà. Các bị cáo thống nhất khi có con nợ quá hạn chưa trả sẽ ghi lên bảng để tất cả cùng biết và tìm đến tận nhà để đòi nợ. Các bị cáo rủ Nguyễn Trung C, Nguyễn Văn H2 , Nguyễn Văn V và các đối tượng L, C1 (chưa rõ lai lịch) làm tại quán số 81 ngõ 94, phường TT, LB cùng đi "thu nợ".

Do cần tiền, qua bạn bè chị Phạm Thị Q – sinh 1983 ở CP, LH, Đông Anh biết cửa hàng của T có cho vay lãi nên chị Q đã đến vay tiền. Ngày 25/01/2018, chị Phạm Thị Q sử dụng điện thoại di động số thuê bao 0972541369 liên lạc với bị can Ngô Thành T theo số thuê bao 0966534953 thỏa thuận vay 100.000.000 đồng với lãi xuất 5.000 đồng/triệu/ngày, cắt lãi 01 tháng trước. Do bị cáo T không có tại cửa hàng nên chị Q gặp bị cáo T2 cầm tờ giấy biên nhận. Nội dung "giấy biên nhận" vay số tiền 120.000.000đ, trả tiền trong 60 ngày, để mua hộ cho T 01 chiếc xe máy SH. Ngày 29/01/2018, chị Q đưa tờ giấy biên nhận đã điền đầy đủ thông tin và ký cho anh Đỗ Hắc H3 (sinh năm: 1985; trú tại GT, LH, ĐA – là lái xe taxi quen) nhờ anh H3 đến gặp bị cáo T2 lấy tiền. Sau khi cầm tờ giấy biên nhận, bị cáo T2 đưa cho anh H3 số tiền 85.000.000đ để cầm về cho chị Q (cắt lãi 01 tháng = 15.000.000đ như thỏa thuận).

Ngày 28/2/2018 đến hạn trả lãi của tháng tiếp theo, chị Q gọi điện khất nợ một tuần, T đồng ý. Quá hạn trên chị Q vẫn không có tiền để trả, T đã nhiều lần gọi điện thoại bằng số 0966534953 gọi vào số điện thoại 0972451369 gọi điện chửi bới và đe doạ chị Q " Tao gặp mày sẽ giết chết mày"; "Tao không để cho gia đình mày yên"; "Mày đi đĩ ở đâu mang tiền về trả cho anh em tao" "Tao đéo cần gọi điện cho mày nữa, tao đến gặp bố mẹ mày, đéo cho bố mẹ mày yên". Nhiều lần gọi chị Q không nghe máy, trả tiền nên T đã rủ thêm nhân viên trong cửa hàng đến nhà chị Q đòi nợ.

Đồng thời T cùng đồng bọn nhiều lần đến nhà chị Q vứt chất bẩn, đập phá tài sản, đánh người nhà của chị Q, cụ thể :

Lần thứ nhất: Khoảng 23h00', ngày 17/3/2018, các bị cáo Lê Văn Q, Đỗ Đức H1, Ngô Xuân T2 và Nguyễn Trung C đến nhà chị Q, cầm gạch tại cổng ném vào nhà rồi bỏ đi.

Lần thứ hai: Khoảng 23h00' ngày 31/3/2018, các bị cáo Nguyễn Văn H2, Nguyễn Trung C và Ngô Xuân T2 nhặt gạch tại cổng ném vào nhà ông Phạm Cao T9 (bố đẻ chị Q), sau đó bỏ đi.

Lần thứ ba: Khoảng 10 giờ, Ngày 02/4/2018, Ngô Thành T vào số 81, ngõ 94 TT, LB gặp Nguyễn Trung C, Đỗ Đức H1, Ngô Xuân T2, Lê Văn Q, Nguyễn Phùng H, Nguyễn Trung C, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn V và D (bạn của T quê ở Đăk Lắc - không xác định được nhân thân, địa chỉ) L và C1 (bạn của V - không xác định được nhân thân, địa chỉ). T bảo "Tí sang nhà khách" ý nói sang nhà Q

đòi nợ. Tất cả đồng ý, cùng đi xe ô tô sang cửa hàng "Kinh doanh sim số đẹp" địa chỉ PKT, phường PK, thị xã TS, tỉnh Bắc Ninh.

Tại đây, bị cáo T nói " bịt biển số vào, mang đồ đi". Bị cáo T2, bị cáo Chiến cầm giấy bịt biển số của xe ô tô nhãn hiệu Toyota - Innova (của D). T2 mang 02con dao từ trong quán ra để vào cốp xe máy nhãn hiệu Honda Lead, sơn màu vàng nhạt, BKS: 99D1 – 145.19. sau đó Bị cáo T2 và bị cáo C đi xe máy Lead, các bị cáo còn lại cùng với L và C1 ngồi lên ô tô Toyota Inova do D điều khiển đến nhà chị Q ở CP, LH. D dừng xe ô tô cách nhà chị Q khoảng 50m, các bị cáo đi bộ đến nhà chị Q thì gặp anh Phạm Cao T8 – anh trai và ông Phạm Cao T9 – bố đẻ chị Q ở nhà. Bị cáo T hỏi Q nhưng ông T9 nói Q không có ở đây. T đưa 01 bản phô tô tờ giấy "Giấy biên nhận" mà chị Q đã viết cho anh T8, ông T9 xem, thông báo chị Q nợ tiền bọn T và yêu cầu anh T8 và ông T9 gọi chị Q về. Anh T8 và ông T9 nói không có Q ở nhà. Ông T9 nói: không biết Q có nợ thật hay không. T2 cầm điện thoại gọi điện cho Q và đưa máy cho anh T8 để Q nói chuyện với anh T8. Anh T8 không đồng ý nói "Nó nợ thì đi mà đòi nó" và dùng tay gạt điện thoại. T, T2, V thấy vậy xông vào chửi, đánh anh T8. T cầm điếu cày trước cửa lao đến vụt (không trúng), các bị cáo Nguyễn Văn H2, H1, Viễn và Q cũng xông vào đuổi đánh anh T8. Bị cáo C mở cốp xe cho bị cáo T2 chạy ra lấy 02 dao lao vào đuổi theo anh T8, giơ lên dọa chém. Anh T8 chạy vào phía trong nhà dùng các vật dụng trong nhà ném lại và chốt cửa. Trong quá trình chống trả, anh T8 bị thương ở khuỷu tay trái (không xác định do ai và do vật gì gây ra) sau đó các bị cáo bỏ về.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định các tài sản bị thiệt hại gồm: *01 phích nước Rạng Đông; 01 bình giữ nhiệt Rạng Đông; 01 ấm tích pha trà bằng sứ; 01 ghế nhựa nhãn hiệu Song Long; 02 tấm kính ô thoáng phòng ngủ kích thước (130x60x0,5)cm.*

Kết quả xác minh thương tích của anh T8 tại Bệnh viện đa khoa Đông Anh: *01 vết thương kích thước 01cm tại mặt ngoài khuỷu tay trái, bờ sắc gọn.*

Ngày 26/4/2018, Cơ quan điều tra Quyết định trưng cầu Viện khoa học hình sự - Bộ Công An giám định tỷ lệ thương tích của anh Phạm Cao T8. Ngày 07/5/2018, Viện khoa học hình sự - Bộ Công An kết luận tỷ lệ thương tích của anh T8 là 01%. Anh T8 không đề nghị xử lý truy tố đối với đối tượng đã gây thương tích.

Ngày 24/4/2018, Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện Đông Anh kết luận tài sản của anh Phạm Cao T8 bị thiệt hại : 210.000đồng.

Lần thứ tư:

Khoảng 22h00' ngày 13/4/2018, các bị cáo Nguyễn Trung C, Đỗ Đức H1 và Nguyễn Văn H2 lấy 01 hộp sơn màu vàng tại cửa hàng "Kinh doanh sim số đẹp" rồi thuê xe ô tô Taxi đến cửa hàng kinh doanh quần áo của chị Phạm Thuý

H2 (sinh năm: 1977; trú tại: GT, LH, ĐA, Hà Nội – chị gái Q) địa chỉ tại ĐD, UN, ĐA. Bị cáo Nguyễn Văn H2 và bị cáo H1 ngồi trên xe Taxi cách cửa hàng khoảng 15 mét, bị cáo C cầm hộp sơn màu vàng hất lên cánh cửa xếp cửa hàng rồi lên xe quay về cửa hàng "Kinh doanh sim số đẹp".

Lần thứ năm:

Khoảng 01h00' ngày 14/4/2018, các bị cáo Lê Văn Q, Ngô Xuân T2, Nguyễn Trung C, Nguyễn Văn H2 và Nguyễn Phùng H đến ném sơn, trứng thối vào cổng nhà anh Phạm Cao T8 rồi bỏ đi.

Lần thứ sáu:

Do vẫn chưa đòi được tiền, khoảng 10h00' ngày 19/4/2018, tại số 81, ngõ 94, TT, LB, Hà Nội, bị cáo Ngô Thành T bảo bị cáo Đỗ Đức H1, Ngô Xuân T2, Lê Văn Q, Nguyễn Phùng H, Nguyễn Trung C, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn H2 cùng với L và C1 đến nhà chị Q đòi tiền. Tất cả đồng ý.

Bị cáo T tiếp tục mượn xe ô tô Toyota Inova của D chở các bị cáo cùng L, C1 đến cửa hàng sim số đẹp tại chợ PKT để bịt biển số xe và lấy đồ (dao) mang theo. Bị cáo T2 và bị cáo Nguyễn Văn H2 đi xe máy nhãn hiệu Honda Lead, BKS: 99D1 – 145.19, các bị cáo còn lại cùng L, C1 lên xe ô tô do T điều khiển đến nhà chị Q. Các bị cáo đỗ xe ô tô cách nhà chị Q 50m, rồi đi bộ đến nhà chị Q. Khi vào nhà chị Q không có nhà. Các bị cáo gặp chị Nguyễn Thị Q1 (sinh năm: 1985; trú tại: CP, LH, Đông Anh) là chị dâu Q ở cổng nhà. Chị Q1 nói "không có Q ở nhà". T nói " Bảo nó về trả tiền đi, gần hai tháng nay chưa được đồng lãi nào….". Bị cáo T chửi bới, đe dọa chị Q1, bắt chị Q1 gọi Q về trả nợ. Chị Q1 nói "Q nó nợ thì đi tìm nó mà đòi". Bị can T tiếp tục đe dọa "Đ.M mày, về nói với thằng anh mày, cả thằng bố mày nữa con Q thu xếp trả nợ cho tao, không tao đánh chết cụ mày đấy". Chị Q1 nói "Thế bọn mày định làm gì". Bị cáo T tát chị Q1 một cái trúng mặt, tiếp đó Q tát một cái trúng mặt chị Q1. Nguyễn Văn Viên lao vào đấm đá liên tiếp vào đầu, vào mặt chị Q1, bị cáo T cùng lao đến đấm, đá làm chị Q1 ngã xuống đường. Sau khi đánh chị Q1 xong các bị can bỏ đi. Chị Q1 đến Bệnh viện đa khoa Đông Anh khám, điều trị thương tích.

Kết quả xác minh thương tích của chị Nguyễn Thị Q1 tại Bệnh viện đa khoa Đông Anh: *Sưng nề vùng trán phải trên diện (5x4)cm*, do thương tích không lớn, đã khỏi nên chị Q1 từ chối khám thương và giám định tỷ lệ thương tích.

Ngay sau khi xảy ra sự việc, bà Lê Thị T10 (sinh năm: 1950; trú tại: CP, LH, ĐA - mẹ chị Q) sử dụng điện thoại số thuê bao 01655452785 nhắn tin cho chị Q theo số thuê bao 0972541369 thông báo việc bị can T cùng đồng phạm đến đe dọa gia đình, đánh anh T8, đập phá tài sản, yêu cầu chị Q về trả tiền. Chị Q nhận tin nhưng không dám về nhà, đi thuê nhà trọ tại nơi khác.

Ngày 16/5/2018 các bị cáo Ngô Thành T, Đỗ Đức H1, Ngô Xuân T2, Nguyễn Trung C, Lê Văn Q, Nguyễn Văn H2 tiếp tục đến nhà chị Q để đòi nợ thì bị Công an huyện Đông Anh phát hiện đưa về trụ sở làm rõ.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Ngô Thành T, Đỗ Đức H1, Ngô Xuân T2, Nguyễn Trung C, Lê Văn Q, Nguyễn Văn H2 và Nguyễn Phùng H khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với tài liệu điều tra thu thập được có trong hồ sơ.

Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét tại cửa hàng của T và đồng phạm tại PKT, PK, TS, Bắc Ninh đã thu giữ : 03 thanh tuýp sắt đầu gắn dao tự chế dạng dao dài 40cm, lưỡi dao bản rộng 7cm mũi nhọn; 02 dao dài 60cm chuôi gỗ, lưỡi vát nhọn, vỏ bằng gỗ; 01 vỏ can dầu Sunply 5 lít bên trong đựng chất lỏng mầu đen dạng dầu, luyn.

Cơ quan điều tra tạm giữ vật chứng:

- 03 viên gạch và 01 mảnh kính màu đen tại hiện trường.

- Của Ngô Thành T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, sim số thuê bao 0966534953; 01 can nhựa loại 5lít bên trong chứa chất lỏng (dầu luyn); 03 ống tuýp gắn đầu dao nhọn; 02 dao dài 60cm chuôi gỗ.

- Của Nguyễn Trung C; 01 xe máy nhãn hiệu Honda Lead, sơn màu vàng nhạt, BKS: 99D1 – 145.19; SM: JF45E – 0070831; SK: HJF450XDY524315; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, lắp sim số thuê bao: 01238222678 và 300.000đồng.

- Của Ngô Xuân T2: 1.800.000đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A5, vỏ màu vàng, lắp sim số thuê bao 0947664886.

- Của Lê Văn Q: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave anpha, sơn màu trắng, BKS: 29K1 – 69606, số khung: RLHJA 3901 - HY348943, số máy: JA39E0348809; 01 ví da màu xám; 01 căn cước công dân tên Lê Văn Q; 01 Giấy đăng ký xe máy BKS: 29K1 – 69606; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, vỏ màu vàng nhạt, lắp sim số thuê bao 0912121616 và 9.650.000đồng.

- Của Đỗ Đức H1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, vỏ màu trắng, lắp sim số thuê bao 0981011616.

- Của Nguyễn Văn H2: 01 điện thoại di động Nokia E5, vỏ màu đen, lắp sim số thuê bao 01668669629; 01 điện thoại di động Iphone 6, vỏ màu Gold, số imel: 359236062532152, không lắp thẻ sim.

- Của Nguyễn Phùng H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 216, vỏ màu đen, lắp sim số thuê bao 0975316852 và 9.500.000đồng.

- Của anh Phạm Cao T8: 01 bản phô tô "giấy biên nhận" có chữ ký của chị Phạm Thị Q.

- Của chị Phạm Thị Thu Hà: 01 USB, vỏ màu bạc, một mặt có chữ Kington.

Quá trình điều tra xác định ngoài các bị cáo còn có các đối tượng tên L, C1, D đi cùng đến nhà chị Q đòi nợ cùng tuy nhiên Cơ quan điều tra đã điều tra nhưng không xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của L, C1 và D nên không đủ căn cứ làm rõ. Cơ quan điều tra tách rút tài liệu để điều tra xử lý sau đối với L, C1 và D là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Văn V (tên gọi khác H4 – Bờm; sinh năm: 1993; trú tại: Số 13 PKK, Phường ĐV, thành phố TH, Thanh Hóa), Quá trình điều tra cơ quan điều tra xác định : Nguyễn Văn V có mặt khi các đối tượng đến nhà bố mẹ chị Q để đòi nợ ngày 02/4/2018, 19/4/2018. Cơ quan điều tra đã khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn V về tội Cưỡng đoạt tài sản. Hiện V vắng mặt tại nơi cư trú, không rõ bị can đang ở đâu. Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã đối với V. Quyết định tách vụ án đối với hành vi Cưỡng đoạt của bị can Viên đến khi bắt được bị can tiếp tục điều tra, xử lý.

Quá trình điều tra xác định các bị cáo có hành vi đánh gây thương tích 1% cho anh T8 và ném, đập phá tài sản gây thiệt hại 210.000đ cho gia đình anh T8. Xét thấy các bị cáo có hành vi gây thương tích cho anh T8 có dấu hiệu vi phạm khoản 1 điều 104 BLHS; anh T8 không yêu cầu xử lý hình sự đối với các đối tượng về hành vi gây thương tích. Số tài sản các bị cáo huỷ hoại tài sản có trị giá tài sản 210.000đ do đó không cấu thành tội phạm; Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với anh Đỗ Hắc H3 không quen biết T cùng đồng bọn, đi lấy tiền hộ về cho chị Q, không biết bản chất thỏa thuận, giao dịch giữa chị Q và T, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với chiếc điều cày mà bị cáo T sử dụng để đánh anh T8, Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không thấy.

- Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave anpha, sơn màu trắng, BKS: 29K1 – 69606, 01 ví da màu xám; 01 căn cước công dân tên Lê Văn Q; 01 Giấy đăng ký xe máy BKS: 29K1 – 69606 là tải sản chung của vợ chồng bị cáo Q; căn cước công dân là giấy tờ cá nhân của bị cáo, không sử dụng vào việc phạm tội, ngày 27/6/2018, Cơ quan điều tra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả cho chị Nguyễn Thị M (sinh năm: 1998; trú tại: Tổ 8, phường TT - LB, Hà Nội - là vợ bị can Q).

- Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu xe máy nhãn hiệu Honda Lead, sơn màu vàng nhạt, BKS: 99D1 – 145.19, đăng ký tên chị Vũ Thị G (sinh năm: 1984; trú tại: AN, YP, YP, Bắc Ninh). Quá trình điều tra xác định : Năm 2017, chị G mua mới, đăng ký chiếc xe BKS: 99D1 – 145.19. Ngày 19/11/2017, chị G bị trộm cắp chiếc xe máy trên tại YP, YP, Bắc Ninh. Chị G không trình báo Cơ quan Công an. Bị cáo T khai: Khoảng tháng 02/2018, một người đàn ông tên D quê Bắc Ninh đến cửa hàng "Kinh doanh sim số đẹp" gặp bị cáo T cầm cố chiếc xe máy nhãn

hiệu Honda Lead, sơn màu vàng nhạt, BKS: 99D1 – 145.19 với giá 10.000.000đ trong khoảng thời gian 30 ngày. Anh D và bị cáo T thỏa thuận nếu hết thời hạn trên anh D không đến trả tiền, bị cáo T sẽ có toàn quyền sở hữu chiếc xe máy trên. Hết thời hạn theo thỏa thuận, anh D không đến lấy xe nên bị cáo T sử dụng chiếc xe máy trên làm phương tiện phục vụ sinh hoạt và công việc. Khi cầm cố xe anh D để lại giấy đăng ký xe và viết giấy thỏa thuận nhưng bị cáo T đã làm mất. Căn cứ tài liệu điều tra xác định, chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Lead, sơn màu vàng nhạt, BKS: 99D1 – 145.19 là vật chứng vụ án Trộm cắp tài sản xảy ra tại địa bàn huyện Yên Phong, Bắc Ninh, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Đông Anh tách tài liệu cùng vật chứng chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Yên Phong, Bắc Ninh giải quyết theo thẩm quyền là có căn cứ.

Đối với tờ giấy biên nhận giữa chị Q và bị cáo T, bị cáo T2 khai làm rơi mất, không xác định được địa điểm nên Cơ quan điều tra không thu giữ được. Tờ giấy biên nhận (bản phô tô) tạm giữ của anh Phạm Cao T8 Cơ quan điều tra chuyển theo hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 can nhựa chứa chất lỏng, bị cáo T khai nhận là dầu luyn ; 02 dao ; 03 viên gạch và mảnh kính màu đen, là vật chứng vụ án chuyển Tòa án nhân dân huyện Đông Anh giải quyết theo thẩm quyền.

- Đối với 03 tuýp sắt gắn đầu dao, 02 con dao nhọn quá trình điều tra T khai không biết ai để tại quán. Cơ quan công an đã ra quyết định xử lý hành chính hành vi không giao nộp vũ khí thô sơ theo quy định đối với T và chuyển 03 tuýp sắt đầu gắn đến chuyển Đội Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội – Công an huyện Đông Anh tiêu hủy theo quy định.

Đối với 01 USB tạm giữ của chị Phạm Thúy H2 lưu giữ hình ảnh các đối tượng đánh, gây thương tích cho chị Q1, có giá trị chứng minh tội phạm (chị H2 không đề nghị nhận lại), chuyển Tòa án nhân dân huyện Đông Anh giải quyết theo thẩm quyền .

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 thu của T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia thu của C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung thu của T2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu vàng nhạt thu của T2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, vỏ màu trắng, thu của H1; 01 điện thoại di động Nokia, vỏ màu đen, 01 điện thoại di động Iphone 6, vỏ màu vàng, thu của Nguyễn Văn H2 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 216, vỏ màu đen thu của Nguyễn Phùng H là phương tiện các bị cáo sử dụng liên lạc khi thực hiện hành vi phạm tội, chuyển Toà án giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với số tiền 21.250.000đồng tạm giữ của các bị cáo Ngô Xuân T2, Nguyễn Trung C, Nguyễn Phùng H và Lê Văn Q là tài sản cá nhân của các bị cáo. Chuyển Toà án huyện Đông Anh giải quyết theo quy định.

Về phần dân sự:

Chị Phạm Thúy H2 và chị Phạm Thị Q, Nguyễn Thị Q1 không đề nghị bồi thường gì về dân sự.

Anh Phạm Cao T8 đề nghị các bị can phải bồi thường số tiền 12.501.000đồng, trong đó có tiền thiệt hại về tài sản là 11.025.000đ, tiền chi phí khi anh T8 điều trị thương tích là 1.476.000đ.

Đối với số tiền 100.000.000đ mà chị Q đã vay, anh Phạm Cao T8 tự nguyện thay chị Q trả cho bị cáo T. Các bị cáo T, Nguyễn Phùng H, Đỗ Đức H1, Nguyễn Văn H2 và Lê Văn Q thống nhất ủy quyền cho gia đình nhận lại số tiền trên (mỗi gia đình nhận lại 20.000.000đ). Ông Ngô Xuân T3 sinh năm: 1949; trú tại: Số 31/21/12 NC, BĐ, HBT, Hà Nội - bố bị cáo T2) nhận lại 20.000.000đ của anh T8, tự nguyện bồi thường số tiền 15.000.000đồng cho gia đình chị Q (anh T8 nhận);

Bị cáo T, Q, Nguyễn Văn H2 và Nguyễn Trung C chấp nhận bồi thường cho gia đình chị Q số tiền 1.500.000đ. Các bị cáo Đỗ Đức H1 và Nguyễn Phùng H đồng ý bồi thường cho gia đình chị Q, cụ thể mức bồi thường đề nghị được giải quyết tại phiên tòa.

Về số tiền gia đình chị Q trả cho các bị cáo T, H1, Q và Nguyễn Phùng H, các bị cáo đề nghị trao trả tại phiên tòa.

Anh T8 đề nghị Cơ quan pháp luật xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Ngô Xuân T2, xử lý nghiêm các bị cáo Ngô Thành T, Nguyễn Phùng H, Nguyễn Trung C, Nguyễn Văn H2, Đỗ Đức H1 và Lê Văn Q theo quy định pháp luật.

Tại cáo trạng số 08/CT-VKS ngày 18/01/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội đã truy tố các bị cáo Ngô Thành T, Ngô Xuân T2, Nguyễn Phùng H, Đỗ Đức H1, Lê Văn Q, Nguyễn Trung C, Nguyễn Văn H2 về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa,

Các bị cáo khai nhận tội như nội dung cáo trạng đã nêu. Đại diện gia đình bị cáo Ngô Xuân T2 khẳng định số tiền đền bù cho gia đình chị Phạm Thị Q là tiền của 07 gia đình cùng đóng góp để khắc phục H1 quả cho các bị cáo.

Bị hại là chị Phạm Thị Q vắng mặt, anh Phạm Cao T8 là người đại diện theo ủy quyền của chị Q có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Ngô Xuân T2, đề nghị xử lý nghiêm các bị cáo khác. Anh T8 tự nguyện trả nợ thay chị Q số tiền số tiền còn nợ các bị cáo là 80 triệu đồng. Các bị cáo đồng ý để gia đình nhận thay các bị cáo số tiền trên tại phiên tòa. Anh T8 đã được nhận tiền bồi thường theo yêu cầu và không còn yêu cầu gì về dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh giữ quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích nội dung, tính chất vụ án, một lần nữa khẳng định

việc truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo Ngô Xuân T2, Nguyễn Trung C; Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo Ngô Thành T, Nguyễn Phùng H, Đỗ Đức H1, Lê Văn Q, Nguyễn Văn H2. Áp dụng thêm khoản h Điều 52, khoản 2 Điều 56 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo Đỗ Đức H1; Xử phạt: Ngô Thành T với mức án từ 4 năm 6 tháng đến 5 năm tù, Ngô Xuân T2, Nguyễn Phùng H, Lê Văn Q từ 4 năm đến 4 năm 6 tháng tù, Đỗ Đức H1 từ 4 năm đến 4 năm 6 tháng tù về tội cưỡng đoạt tài sản tổng hợp hình phạt của bản án số 67/HSST ngày 09/8/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội tuyên phạt bị cáo 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội Đánh bạc xử phạt bị cáo Đỗ Đức H1 từ 5 năm đến 5 năm 6 tháng tù; Xử phạt: Nguyễn Trung C, Nguyễn Văn H2 từ 3 năm đến 3 năm 6 tháng tù. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 06 điện thoại thu giữ của các bị cáo liên quan đến việc phạm tội, tịch thu tiêu hủy 01 can nhựa chứa chất lỏng, bị cáo T khai nhận là dầu luyn ; 02 dao ; 03 viên gạch và mảnh kính màu đen; 01 USB tạm giữ của chị Phạm Thúy H2 lưu giữ hình ảnh các đối tượng đánh, gây thương tích do chị H2 không đề nghị nhận lại. Trả lại bị cáo Nguyễn Văn H2 01 chiếc điện thoại không sim đã thu giữ của bị cáo. Trả lại số tiền 21.250.000đồng tạm giữ của các bị cáo Ngô Xuân T2, Nguyễn Trung C, Nguyễn Phùng H và Lê Văn Q. Không phạt tiền các bị cáo. Đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của anh Phạm Cao T8 trả nợ thay chị Q 100 triệu đồng cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng của huyện Đông Anh thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về thẩm quyền và các quy định khác về điều tra, truy tố và xét xử.

[2] Về hành vi và tội danh: Lời khai nhận tội các bị cáo Ngô Thành T, Ngô Xuân T2, Nguyễn Phùng H, Đỗ Đức H1, Lê Văn Q, Nguyễn Trung C và Nguyễn Văn H2 tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác tại cơ quan điều tra như: Lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng. Được chứng minh bằng vật chứng của vụ án là các vật chứng thu giữ của các bị cáo liên quan tới việc phạm tội.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo đã phạm tội Cưỡng đoạt tài sản. Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về nhân thân, tiền án, tiền sự và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

- Về tiền án, tiền sự:

+ Đối với bị cáo T, Phùng H, Q đều đã có tiền án tiền sự nhưng đã được xóa. Lần phạm tội này xác định bị cáo chưa có tiền án tiền sự.

+ Bị cáo H1 phạm tội lần này là trong thời gian thử thách của án treo nên bị tính tái phạm.

+ Đối với bị cáo Ngô Xuân T2, Nguyễn Văn H2 lần phạm tội này là lần đầu.

- Về nhân thân: Xác định các bị cáo T2, Chiến, Văn H2 chưa có tiền án tiền sự.

- Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Khi lượng hình, Tòa án đã xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo để từ đó có hình phạt tương xứng với mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo, cụ thể:

+ Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Đỗ Đức H1 phạm tội lần này là tái phạm, phạm tội trong thơi gian thử thách của án treo.

+ Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo T2 có bố được tặng thưởng huân chương kháng chiến chông Mỹ hạng 3, bị cáo C có ông nội là thương binh nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017). Tất cả các bị cáo còn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (Các bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải). Đây là các tình tiết giảm nhẹ cần áp dụng của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[4] Về hình phạt:

- Hành vi Cưỡng đoạt tài sản của các bị cáo T, T2, H1, Q, C, Nguyễn Phùng H, Nguyễn Văn H2 đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự xã hội trong lĩnh vực trật tự quản lý hành chính. Các bị cáo là người đã thành niên, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, bị Nhà nước quy định là tội phạm, nhưng các bị cáo vì tham tư lợi vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo nhằm hạn chế các loại tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn huyện Đông Anh nói riêng và Thành phố Hà Nội nói chung. Khi lượng hình cũng cần phải xem xét đến vai trò của từng bị cáo trong vụ án để có hình phạt tương ứng với tính chất, mức độ của hành vi. Trong vụ án này bị cáo Ngô Thành T là người đứng đầu, chỉ đạo các bị cáo khác cùng thực hiện hành vi phạm tội. Nhân thân cũng đã từng phạm tội. Các bị cáo khác là

những người cùng bị cáo T vứt chất bẩn, đe dọa đánh người nhà chị Q nhằm uy hiếp chị Q buộc chị phải trả số tiền nợ 100 triệu đồng. Do vậy, áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 để xử phạt các bị cáo hình phạt tù trong khung hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Đối với bị cáo Đỗ Đức H1 đã có 01 tiền án và lần phạm tội này là tái phạm, phạm tội trong thời hạn thử thách của án treo. Vì vậy áp dụng thêm khoản 2 Điều 56 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 để xử phạt bị cáo.

- Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định, thì người phạm tội có thể còn bị phạt tiền…Tuy nhiên các bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử áp không dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự:

Đối với các vật chứng gồm: Các điện thoại di động thu giữ của các bị cáo và 01 điện thoại di động thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn H2, số tiền 21.250.000đồng tạm giữ của các bị cáo Ngô Xuân T2, Nguyễn Trung C, Nguyễn Phùng H và Lê Văn Q. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước các điện thoại thu giữ của các bị cáo liên quan đến việc phạm tội, tịch thu tiêu hủy 01 can nhựa chứa chất lỏng, bị cáo T khai nhận là dầu luyn ; 02 dao ; 03 viên gạch và mảnh kính màu đen; 01 USB tạm giữ của chị Phạm Thúy H2. Trả lại bị cáo Nguyễn Văn H2 01 chiếc điện thoại không có sim đã thu giữ của bị cáo. Trả lại số tiền 21.250.000đồng tạm giữ của các bị cáo Ngô Xuân T2, Nguyễn Trung C, Nguyễn Phùng H và Lê Văn Q là đúng theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh T8 tự nguyện trả nợ thay chị Q số tiền 100 triệu đồng, tại phiên tòa anh T8 trả số tiền còn nợ các bị cáo là 80 triệu đồng. Đại diện gia đình các bị cáo đã nhận thay các bị cáo số tiền trên tại phiên tòa.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không còn yêu cầu gì về dân sự nên không phải xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điểm d Khoản 2 Điều 170; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Áp dụng đối với Ngô Xuân T2, Nguyễn Trung C.

- Căn cứ: Điểm d, khoản 2 Điều 170; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 56, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015; Áp dụng đối Đỗ Đức H1.

- Căn cứ: Điểm d Khoản 2 Điều 170; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Áp dụng đối với Ngô Thành T, Nguyễn Phùng H, Lê Văn Q, Nguyễn Văn H2.

- Căn cứ: Điều 47 Bộ lật Hình sự năm 2015;Điều 106, 135; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331; Điều 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cùng danh mục kèm theo.

Tuyên bố các bị cáo **Ngô Thành T, Ngô Xuân T2, Nguyễn Phùng H, Đỗ Đức H1, Lê Văn Q, Nguyễn Trung C, Nguyễn Văn H2** phạm tội **"Cưỡng đoạt tài sản"**.

Xử phạt: **Ngô Thành T 4 năm 6 tháng tù** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/05/2018.

Xử phạt: **Ngô Xuân T2 4 năm 2** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/05/2018.

Xử phạt: **Nguyễn Phùng H 4 năm** tù.Thời hạn tù tính từ ngày 17/05/2018.

Xử phạt: **Đỗ Đức H1 4 năm** tù.Tổng hợp với hình phạt của bản án số 67/HSST ngày 09/8/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội tuyên phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội Đánh bạc. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là 5 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/05/2018. Được trừ thời gian tạm giam từ ngày 31/3/2016 đến ngày 09/4/2016.

Xử phạt: **Lê Văn Q 4 năm** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/05/2018.

Xử phạt: **Nguyễn Trung C 3 năm 6 tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/05/2018.

Xử phạt: **Nguyễn Văn H2 3 năm 6 tháng tù** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/05/2018.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 07 điện thoại di thu giữ của các bị cáo liên quan đến việc phạm tội gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, số imel: 354448060493205, kèm theo sim số thuê bao 0966534953; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen, số imel 1: 356469062457327, số imel 2:356469062457335 , kèm theo sim số thuê bao 01238222678; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung vỏ màu vàng, số imel 1: 354021082660091, số imel 2:354022082660099 , kèm theo sim số thuê bao 0947664886; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 vỏ màu vàng nhạt, số imel: 352091075546807, kèm theo sim số thuê bao 0912121616; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 vỏ màu trắng, số

imel:357341089088568 , kèm theo sim số thuê bao 0981011616; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen, số imel:357888058957413, kèm theo sim số thuê bao 01668669629; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 216 vỏ màu đen, số imel 1: 356007088622688, số imel 2: 356007088622696, kèm theo sim số thuê bao 0975316852.

Tịch thu tiêu hủy 01 can nhựa loại 5l bên trong chứa chất lỏng, bị cáo T khai nhận là dầu luyn ; 02 dao"mèo" ; 03 viên gạch và mảnh kính màu đen; 01 USB vỏ màu bạc, một mặt có chữ Kington.

Trả lại bị cáo Nguyễn Văn H2 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 vỏ màu vàng, số imel: 356987063449589 không có thẻ sim.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 18/1/2019 giữa Công an huyện Đông Anh và Chị cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh).

Trả lại số tiền 300.000đồng cho bị cáo Nguyễn Trung C, trả lại số tiền 1.800.000đồng cho bị cáo Ngô Xuân T2, trả lại số tiền 9.650.000đồng cho bị cáo Nguyễn Phùng H, trả lại số tiền 9.500.000đồng cho bị cáo Lê Văn Q.

(Theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 17/1/2019 của Kho bạc Nhà nước huyện Đông Anh)

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Phạm Cao T8 tự nguyện trả nợ thay chị Phạm Thị Q số tiền số tiền nợ các bị cáo là 100 triệu đồng. Đại diện gia đình các bị cáo đã nhận thay các bị cáo số tiền trên tại phiên tòa.

Các bị cáo Ngô Thành T, Ngô Xuân T2, Nguyễn Phùng H, Đỗ Đức H1, Lê Văn Q, Nguyễn Trung C và Nguyễn Văn H2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại
- VKSND huyện Đông Anh;
- Công an huyện Đông Anh;
- Chi cục THADS huyện Đông Anh;
- Sở TP Thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quang Tuyến